Lesson Sheet

A1 · Week 4 · Session 2 · a1-w04-s2 · v1 draft

Expressing Likes and Dislikes in Food

• Học sinh biết cách bày tỏ sự yêu thích và không thích về các món ăn.

• Học sinh nắm vững cấu trúc câu hỏi 'Do you like...?' và các câu trả lời ngắn 'Yes, I do / No, I don't'.

Grammar: Expressing Likes and Dislikes with 'like / don't like' and 'Do you like...?'

Ta dùng 'like' để nói về món mình thích và 'don't like' (do not like) để nói về món mình không thích. Để hỏi sở thích của bạn, ta dùng câu hỏi 'Do you like...?' và trả lời ngắn gọn 'Yes, I do' hoặc 'No, I don't'.

Affirmative: I / You / We / They + like + Food | Negative: I / You / We / They + don't like + Food | Question: Do you like + Food? -> Yes, I do. / No, I don't.

Khám phá từ vựng món ăn và biểu cảm thích/không thích · 10 phút
Học sinh học từ vựng về các loại trái cây và món ăn quen thuộc qua tranh ảnh sinh động.

Ngữ pháp Like / Don't like và đọc hiểu văn bản · 15 phút
Học sinh luyện tập cấu trúc 'I like / don't like' và 'Do you like...?', đọc bài về sở thích của Anna và Mark rồi trả lời câu hỏi.

Luyện nghe hội thoại và thực hành phỏng vấn sở thích · 10 phút
Học sinh nghe Mark và Anna đối thoại hai lần, sau đó đóng vai phỏng vấn bạn về món ăn yêu thích.

Viết đoạn văn ngắn về sở thích ăn uống và trắc nghiệm · 10 phút
Học sinh viết đoạn văn 25 từ về món mình thích và không thích, hoàn thành 8 câu hỏi kiểm tra.

Vocabulary Worksheet

A1 · Week 4 · Session 2 · a1-w04-s2 · v1 draft

Viết nghĩa tiếng Việt và một câu của riêng con cho từng từ.

apple /ˈæpl/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

banana /bəˈnɑːnə/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

pizza /ˈpiːtsə/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

fish /fɪʃ/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

salad /ˈsæləd/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

delicious /dɪˈlɪʃəs/ (adjective)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

sweet /swiːt/ (adjective)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

dislike /dɪsˈlaɪk/ (verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

fruit /fruːt/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

Grammar Worksheet

A1 · Week 4 · Session 2 · a1-w04-s2 · v1 draft

Expressing Likes and Dislikes with 'like / don't like' and 'Do you like...?'

Affirmative: I / You / We / They + like + Food | Negative: I / You / We / They + don't like + Food | Question: Do you like + Food? -> Yes, I do. / No, I don't.

Choose the grammatically correct question form:
A. Do you like apples?
B. Does you like apples?
C. Are you like apples?

Choose the correct negative sentence: 'I _____ like fish.'
A. don't
B. doesn't
C. am not

Vận dụng

Viết 5 câu của riêng con sử dụng cấu trúc vừa học.

Reading Worksheet

A1 · Week 4 · Session 2 · a1-w04-s2 · v1 draft

Our Favorite Foods and Snacks

Children have different tastes in food. My sister Anna loves sweet fruit. She likes red apples and yellow bananas very much. She eats fruit every afternoon. However, she does not like fish. My brother Mark loves hot cheese pizza and crispy chicken. He thinks pizza is delicious. Do I like pizza? Yes, I do! But I also like fresh green salad and carrots. We all enjoy eating good food with our family.

What does Anna like to eat every afternoon in the reading passage?
A. Hot pizza
B. Sweet fruit like apples and bananas
C. Fried chicken

What food does Mark love according to the reading story?
A. Hot cheese pizza and crispy chicken
B. Only green salad
C. Fish and plain rice

Viết một điều con nhớ từ bài đọc:

Listening Worksheet

A1 · Week 4 · Session 2 · a1-w04-s2 · v1 draft

Do You Like Salad?

Lần nghe 1: Nghe để biết Mark và Anna đang hỏi nhau về sở thích ăn uống gì.
Lần nghe 2: Nghe kỹ câu trả lời của Anna về món xà lách và món hoa quả bạn ấy thích.

Does Anna like green salad according to the listening dialogue?
A. No, she doesn't.
B. Yes, she does.
C. She likes it very much.

What is Mark's favorite food in the conversation?
A. Hot cheese pizza
B. Sweet apples
C. Green salad

Từ hoặc cụm từ con nghe được

Mở audio trên trang bài học. Transcript nằm trong Answer Key của phụ huynh.

Writing Worksheet

A1 · Week 4 · Session 2 · a1-w04-s2 · v1 draft

Write a short paragraph (20-40 words) about two foods you like and one food you don't like.

Độ dài tham khảo: 20–40 từ.

• Câu 1: Nêu 1-2 món ăn em thích và lý do ngắn gọn.

• Câu 2: Nêu 1 món ăn em không thích.

• Câu 3: Đặt câu hỏi hỏi người đọc có thích món đó không.

Checklist

¡Dùng đúng 'like' và 'do not like' (don't like).

¡Đặt dấu hỏi chấm ở cuối câu hỏi 'Do you like...?'.

¡Độ dài bài viết đạt từ 20 đến 40 từ.

Speaking Card

A1 · Week 4 · Session 2 · a1-w04-s2 · v1 draft

Ask your partner what food they like and express your own food preferences.

Do you like apples?

Do you like fish or pizza?

What food don't you like?

Bố mẹ quan sát

¡Sử dụng đúng mẫu câu 'I like / I don't like' và câu hỏi 'Do you like...?' kèm câu trả lời ngắn.
¡Phát âm chuẩn âm đuôi /s/ trong 'likes' và âm /tʃ/ trong 'cheese'.

Từ vựng gợi ý

apple · banana · pizza · fish · salad · delicious · sweet · dislike · fruit